

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Yến

Ông Lê Văn Công

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 379/2024/TLST- HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Trọng Q, sinh năm 2003; tại tỉnh Bắc Ninh; nơi thường trú: Thôn P, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trọng Đ và bà Phan Thị T.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 186/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 144/2024/HS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam T1, Cục C1, Bộ C2, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Trương Thị Q1, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn P, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: [Tống Văn C](#), sinh năm 1982; nơi thường trú: [Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình](#), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Phạm Trọng Q](#) và bà [Trương Thị Q1](#), sinh năm 1990, có mối quan hệ là chị em họ. [Q](#) sinh sống cùng gia đình bà [Q1](#) tại địa chỉ: [số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương](#) từ năm 2020.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/10/2020, [Q](#) về đến nhà của bà [Q1](#) thì phát hiện bà [Q1](#) đang ngủ và có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng cắm sạc trên máy giặt trong nhà nên [Q](#) nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, [Q](#) kiểm tra xung quanh nhà không có người rồi lén lút lấy trộm điện thoại di động trên cát giấu trong người. Sau đó, [Q](#) đi đến [tiệm C3](#), địa chỉ: [khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương](#) gặp ông [Tống Văn C](#), sinh năm 1982, để cầm cố được 8.000.000 đồng. Sau đó [Q](#) bỏ trốn về quê tại tỉnh Bắc Ninh, số tiền trên [Q](#) đã tiêu xài cá nhân hết.

Cùng ngày, bà [Q1](#) ngủ dậy phát hiện điện thoại di động đã bị lấy trộm nên bà [Q1](#) kiểm tra và đi theo định vị trên điện thoại di động đến tại [tiệm C3](#) gặp ông [C](#) và biết được [Q](#) đã lấy điện thoại di động của bà và cầm cố được 8.000.000 đồng nên bà [Q1](#) chuộc điện thoại di động về. Sau đó, bà [Q1](#) liên lạc yêu cầu [Q](#) trả lại số tiền đã chuộc điện thoại di động nhưng [Q](#) không trả và trốn tránh. Đến ngày 23/01/2024, bà [Q1](#) đến [Công an phường B](#) trình báo sự việc.

Tài sản bị chiếm đoạt: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 512GB.

Căn cứ Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản số 47 ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự [thành phố T](#) kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 512GB có trị giá 13.600.000 đồng (*mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 322/CT-VKS -TA ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo [Phạm Trọng Q](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo [Phạm Trọng Q](#).

Xử phạt bị cáo [Phạm Trọng Q](#) từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Trương Thị Q1](#) đã nhận lại tài sản và nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 512GB là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà [Trương Thị Q1](#) do [Phạm Trọng Q](#) chiếm đoạt rồi mang đi cầm cố, bà [Q1](#) đã chuộc lấy lại điện thoại di động trên đồng thời đã nhận bồi thường nên không đề cập xử lý.

Đối với ông [Tống Văn C](#) là chủ [tiệm C3](#) đã nhận cầm cố điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, dung lượng 512GB do [Phạm Trọng Q](#) cầm cố. Quá trình điều tra xác định ông [C](#) không biết đây là tài sản do [Q](#) phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an thành phố T](#) không xem xét xử lý là có căn cứ.

Tại phiên tòa: Bị cáo có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo [Phạm Trọng Q](#) có yêu cầu xét xử vắng mặt, đơn được [trại giam T1](#), [Cục C1](#), [Bộ C2](#) xác nhận. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử phù hợp với điểm c, d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, đồng thời vắng mặt. Do đó, việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử và phù hợp với quy định Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về hành vi của bị cáo: Tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo [Phạm Trọng Q](#) đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/10/2020, tại địa chỉ [4 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương](#), [Phạm Trọng Q](#) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 (một) điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng, dung lượng 512GB trị giá 13.600.000 đồng của bà [Trương Thị Q1](#), hành vi của bị cáo [Q](#) đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo [Phạm Trọng Q](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, lười lao động mà vẫn muốn được hưởng thụ nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Căn cứ với mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Trương Thị Q1](#) đã nhận lại tài sản và nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56, Điều 106 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo [Phạm Trọng Q](#).

- Điều 136, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo [Phạm Trọng Q](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Q 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù tại bản án số 186/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo Phạm Trọng Q phải chấp hành chung hai Bản án là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2024.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Trọng Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo